

Số: /2026/VBHN-TT-NHNN

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thực hiện chính sách tín dụng theo
Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ
về một số chính sách phát triển thủy sản**

Thông tư số 22/2014/TT-NHNN ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 21/2015/TT-NHNN ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2014/TT-NHNN ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2015.

2. Thông tư số 12/2018/TT-NHNN ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 22/2014/TT-NHNN ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2018.

3. Thông tư số 85/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về nghiệp vụ thư tín dụng và hướng dẫn triển khai một số chương trình tín dụng do thay đổi cơ cấu, tổ chức bộ máy, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

4. Thông tư số 35/2026/TT-NHNN ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư về nghiệp vụ thư tín dụng, bảo lãnh ngân hàng và hướng dẫn triển khai một số chương trình tín dụng do thay đổi tên gọi các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2026.

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản¹.

¹ Thông tư số 21/2015/TT-NHNN có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản; Nghị định số 89/2015/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2014/TT-NHNN ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản.”

Thông tư số 12/2018/TT-NHNN có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản; Nghị định số 89/2015/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản; Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2014/TT-NHNN ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản (sau đây gọi tắt là Thông tư số 22/2014/TT-NHNN).”

Thông tư số 85/2025/TT-NHNN có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2020/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.² Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này quy định việc cho vay đặt hàng đóng mới, nâng cấp tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ; cho vay vốn lưu động để khai thác hải sản xa bờ và cung cấp dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản (sau đây gọi tắt là Nghị định số 67/2014/NĐ-CP), Nghị định số 89/2015/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị định số 89/2015/NĐ-CP) và Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị định số 17/2018/NĐ-CP).

2. Đối tượng áp dụng:

a)³ Chủ tàu theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 67/2014/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Nghị định số 89/2015/NĐ-CP);

b) Các ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng;

c) Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc cho vay

1. Chủ tàu có trách nhiệm sử dụng vốn vay đúng mục đích và hoàn trả gốc, lãi đúng hạn cho ngân hàng thương mại theo hợp đồng tín dụng.

2. Ngân hàng thương mại thực hiện cho vay đối với chủ tàu theo quy định tại Thông tư này. Những nội dung không được quy định trong Thông tư này thì

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về nghiệp vụ thư tín dụng và hướng dẫn triển khai một số chương trình tín dụng do thay đổi cơ cấu, tổ chức bộ máy.”

Thông tư số 35/2026/TT-NHNN có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 198/2026/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tín dụng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư về nghiệp vụ thư tín dụng, bảo lãnh ngân hàng và hướng dẫn triển khai một số chương trình tín dụng do thay đổi tên gọi các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.”

² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 21/2015/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2015; được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 12/2018/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2018.

³ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 21/2015/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2015.

ngân hàng thương mại thực hiện cho vay theo quy định của pháp luật hiện hành về cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

Điều 3. Mục đích vay vốn

1.⁴ Cho vay để chủ tàu đặt hàng đóng mới, nâng cấp tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 67/2014/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 89/2015/NĐ-CP).

2.⁵ Cho vay vốn lưu động đối với chủ tàu khai thác hải sản xa bờ và chủ tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 67/2014/NĐ-CP (đã được sửa đổi bởi khoản 4 Điều 1 Nghị định số 17/2018/NĐ-CP).

Điều 4. Điều kiện vay

1. Đối với cho vay đóng mới, nâng cấp tàu khai thác hải sản và dịch vụ hậu cần khai thác hải sản:

a) Tàu đóng mới phải có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên; nâng cấp tàu có tổng công suất máy chính dưới 400CV thành tàu có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên và nâng cấp công suất máy đối với tàu có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên;

b) Chủ tàu có tên trong danh sách phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là đang hoạt động nghề cá có hiệu quả, có khả năng tài chính và có phương án sản xuất kinh doanh cụ thể;

c) Chủ tàu cam kết mua đầy đủ bảo hiểm theo quy định đối với thân tàu, trang thiết bị, ngư lưới cụ trên tàu (bảo hiểm mọi rủi ro) sau khi hoàn thành việc đóng mới, nâng cấp tàu và trước khi đưa vào sử dụng;

d) Phương án vay vốn được ngân hàng thương mại thẩm định có hiệu quả, khả thi.

2.⁶ Đối với cho vay vốn lưu động:

Chủ tàu vay vốn lưu động đáp ứng các quy định của pháp luật hiện hành về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

Điều 5. Hạn mức, lãi suất và thời hạn cho vay

⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 21/2015/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2015.

⁵ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 12/2018/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2018.

⁶ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 12/2018/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2018.

1.⁷ Hạn mức, lãi suất cho vay được thực hiện theo quy định tại điểm e, điểm c khoản 1 Điều 4 Nghị định số 67/2014/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Nghị định số 89/2015/NĐ-CP).

2. Việc cho vay đóng mới, nâng cấp tàu được Ngân sách Nhà nước cấp bù một phần lãi suất. Hồ sơ, thủ tục và quy trình cấp bù lãi suất được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Lãi suất nợ quá hạn: Lãi suất nợ quá hạn (bao gồm cả phần hỗ trợ lãi suất của Nhà nước) do ngân hàng thương mại và chủ tàu thỏa thuận theo quy định của pháp luật và được quy định trong hợp đồng tín dụng.

4. Thời hạn cho vay

a)⁸ Thời hạn cho vay hỗ trợ lãi suất đóng mới, nâng cấp tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ được thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 Nghị định số 67/2014/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 1 Nghị định số 89/2015/NĐ-CP);

b) Thời hạn cho vay vốn lưu động do ngân hàng thương mại và chủ tàu thỏa thuận, nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng tín dụng.

Điều 6. Tài sản bảo đảm

1. Ngân hàng thương mại nhận con tàu đóng mới, nâng cấp để khai thác hải sản xa bờ, cung cấp dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ làm tài sản bảo đảm cho khoản vay. Việc đăng ký giao dịch bảo đảm đối với con tàu đóng mới, nâng cấp được thực hiện theo quy định hiện hành.

2.⁹ (được bãi bỏ)

Điều 7. Phân loại nợ và xử lý rủi ro

1.¹⁰ Việc phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro thực hiện theo quy định hiện hành, bao gồm khoản nợ vay của chủ tàu mới khi nhận bàn giao từ chủ tàu cũ theo cơ chế chuyển đổi chủ tàu quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 17/2018/NĐ-CP.

2. Cơ chế xử lý rủi ro trong trường hợp do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng đối với khoản cho vay đóng mới, nâng cấp tàu, ngân hàng thương mại được xử lý theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP.

⁷ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 21/2015/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2015; được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 12/2018/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2018.

⁸ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 21/2015/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2015.

⁹ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 12/2018/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2018.

¹⁰ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 12/2018/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2018.

3. Trường hợp chủ tàu không trả nợ gốc và lãi do các nguyên nhân khác, ngân hàng thương mại xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 7a. Cơ chế bàn giao khoản nợ vay¹¹

Việc bàn giao lại tàu và khoản nợ vay đóng mới, nâng cấp tàu của chủ tàu không còn khả năng tiếp tục thực hiện dự án đóng mới, nâng cấp tàu hoặc đã hoàn thành đóng mới nhưng không đủ năng lực để hoạt động (sau đây gọi là chủ tàu cũ) cho chủ tàu được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt thay thế (sau đây gọi là chủ tàu mới) theo cơ chế chuyển đổi chủ tàu quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 17/2018/NĐ-CP được thực hiện như sau:

a) Chủ tàu mới nhận bàn giao toàn bộ khoản nợ vay từ chủ tàu cũ, bao gồm cả nợ gốc quá hạn và lãi phát sinh mà chủ tàu cũ chưa trả cho ngân hàng cho vay trước thời điểm bàn giao (nếu có). Việc hỗ trợ lãi suất đối với chủ tàu mới được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;

b) Căn cứ thỏa thuận giữa chủ tàu cũ và chủ tàu mới về việc bàn giao lại tàu và khoản nợ vay, ngân hàng thương mại, chủ tàu cũ và chủ tàu mới ký thỏa thuận bàn giao nợ, trong đó nêu rõ dư nợ vay, số tiền lãi phát sinh (nếu có), thời gian vay vốn, tài sản bảo đảm của khoản nợ vay, quyền hạn, nghĩa vụ của các bên và các nội dung khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;

c) Chủ tàu mới và ngân hàng thương mại ký kết thỏa thuận cho vay và hợp đồng bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật hiện hành. Thời gian vay vốn hỗ trợ lãi suất do ngân hàng và chủ tàu mới thỏa thuận nhưng không vượt quá thời gian vay vốn hỗ trợ lãi suất còn lại theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 Nghị định số 67/2014/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 1 Nghị định số 89/2015/NĐ-CP) sau khi trừ đi thời gian vay vốn hỗ trợ lãi suất của chủ tàu cũ tại thời điểm bàn giao khoản nợ vay;

d) Thời điểm ký kết thỏa thuận cho vay giữa ngân hàng thương mại và chủ tàu mới không phụ thuộc vào quy định về thời gian ký kết hợp đồng tín dụng đóng mới, nâng cấp tàu tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 67/2014/NĐ-CP (đã được sửa đổi bởi khoản 19 Điều 1 Nghị định số 17/2018/NĐ-CP). Thời gian giải ngân vốn vay hỗ trợ lãi suất đối với chủ tàu mới để tiếp tục đóng mới, nâng cấp tàu trong trường hợp chủ tàu cũ chưa hoàn thành việc đóng mới, nâng cấp tàu được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư này.

Điều 8. Quyền hạn và trách nhiệm của chủ tàu

1. Chủ tàu có quyền đề nghị vay với thời hạn và hạn mức vay thấp hơn quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 5 Thông tư này để phù hợp với phương án kinh doanh và được quyền trả nợ trước hạn đối với khoản vay.

¹¹ Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 12/2018/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2018.

2. Cung cấp đầy đủ, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, tài liệu cung cấp cho ngân hàng thương mại để thẩm định và quyết định cho vay.

3. Trường hợp Ngân sách Nhà nước thu hồi số tiền cấp bù lãi suất do phát hiện chủ tàu có sai phạm trong việc sử dụng vốn vay hoặc các khoản nợ quá hạn của chủ tàu không phải do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng, chủ tàu có trách nhiệm hoàn trả lại cho ngân hàng thương mại toàn bộ phần lãi suất cấp bù bị thu hồi.

4.¹² Chủ tàu mới nhận bàn giao khoản nợ vay và tài sản hình thành từ vốn vay từ chủ tàu cũ theo cơ chế chuyển đổi chủ tàu quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 17/2018/NĐ-CP có trách nhiệm thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm của chủ tàu theo quy định tại Thông tư này và các văn bản khác có liên quan.

Điều 9. Trách nhiệm của ngân hàng thương mại¹³

1. Xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn vốn và tích cực triển khai việc cho vay đối với chủ tàu theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP và Thông tư này.

2. Xây dựng quy định nội bộ hướng dẫn cho vay đối với chủ tàu đảm bảo trình tự, thủ tục đơn giản, nhanh gọn và an toàn về nguồn vốn cho vay phù hợp với quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi phát sinh khó khăn về nguồn vốn cho vay thực hiện chính sách tín dụng theo quy định tại Thông tư này hoặc khi mất bằng lãi suất tăng ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh để được tái cấp vốn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát khoản vay và quản lý riêng hồ sơ vay vốn của chủ tàu đảm bảo thuận tiện cho việc kiểm tra, giám sát của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

5. Thực hiện báo cáo tình hình cho vay đóng mới, nâng cấp tàu theo chế độ báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

6. Phối hợp với chủ tàu để xem xét điều chỉnh thời gian cho vay đóng mới tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ phù hợp với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 Nghị định số 67/2014/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 1 Nghị định số 89/2015/NĐ-CP).

7. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này và kết quả thẩm định đối với chủ tàu mới để có ý kiến về việc bàn giao lại tàu và khoản nợ vay từ chủ tàu cũ sang chủ tàu mới, làm cơ sở để Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc

¹² Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 12/2018/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2018.

¹³ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 12/2018/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2018.

Trung ương xem xét, quyết định phê duyệt chủ tàu mới thay thế chủ tàu cũ theo cơ chế chuyển đổi chủ tàu quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 17/2018/NĐ-CP.

8. Hướng dẫn chi nhánh, phòng giao dịch thống nhất về hồ sơ, tài liệu liên quan, đồng thời chủ động phối hợp với chủ tàu mới để thực hiện các thủ tục bàn giao khoản nợ vay, tài sản bảo đảm của khoản nợ vay từ chủ tàu cũ theo quy định của pháp luật hiện hành.

9. Báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai cho vay để được xem xét xử lý kịp thời.

Điều 10. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam¹⁴

Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Vụ Tín dụng¹⁵:

a) Chủ trì, phối hợp với Vụ Chính sách tiền tệ, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng và các đơn vị liên quan trong việc tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Thông tư này;

b) Định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước kết quả cho vay theo quy định tại Thông tư này.

2. Vụ Chính sách tiền tệ:

a) Tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước thực hiện các công cụ điều hành chính sách tiền tệ theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 9 của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP;

b) Phối hợp với Vụ Tín dụng¹⁶ và các đơn vị có liên quan xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

3. Thanh tra Ngân hàng Nhà nước:

a) Thực hiện thanh tra việc thực hiện các quy định tại Thông tư này của ngân hàng thương mại theo chức năng, nhiệm vụ;

¹⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 9 của Thông tư số 85/2025/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

¹⁵ Cụm từ “Vụ Tín dụng các ngành kinh tế” được thay thế bởi cụm từ “Vụ Tín dụng” theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 35/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

¹⁶ Cụm từ “Vụ Tín dụng các ngành kinh tế” được thay thế bởi cụm từ “Vụ Tín dụng” theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 35/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

b) Phối hợp với Vụ Tín dụng¹⁷ và các đơn vị có liên quan xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Thông tư này.

4. Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng:

a) Giám sát ngân hàng thương mại thực hiện Thông tư này theo chức năng, nhiệm vụ;

b) Phối hợp với Vụ Tín dụng¹⁸ và các đơn vị có liên quan xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Thông tư này.

5. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực theo dõi, kiểm tra việc triển khai cho vay của các ngân hàng thương mại đối với chủ tàu trên địa bàn, kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kết quả thực hiện và những vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai trên địa bàn.

Điều 11. Điều khoản thi hành¹⁹

¹⁷ Cụm từ “Vụ Tín dụng các ngành kinh tế” được thay thế bởi cụm từ “Vụ Tín dụng” theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 35/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

¹⁸ Cụm từ “Vụ Tín dụng các ngành kinh tế” được thay thế bởi cụm từ “Vụ Tín dụng” theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 35/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

¹⁹ Điều 2 của Thông tư số 21/2015/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2015 quy định như sau:

“Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2015.

2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc ngân hàng thương mại chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này.”

Điều 3 của Thông tư số 12/2018/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2018 quy định như sau:

“Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2018.

2. Đối với việc cho vay vốn lưu động, ngân hàng thương mại và chủ tàu thỏa thuận về việc tiếp tục thực hiện các nội dung đã ký kết hoặc thỏa thuận sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại Thông tư này.

3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc ngân hàng thương mại chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.”

Điều 24 và Điều 25 của Thông tư số 85/2025/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025 quy định như sau:

“Điều 24. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 25. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2. Thông tư này bãi bỏ điểm b, điểm c khoản 3 và khoản 5 Điều 1 Thông tư 25/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 7 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về sửa đổi,

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2014.

2.²⁰ Ngân hàng thương mại và chủ tàu ký kết hợp đồng tín dụng đóng mới, nâng cấp tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 67/2014/NĐ-CP đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2017 và giải ngân đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2018. Đối với các khoản giải ngân sau ngày 31 tháng 12 năm 2018, lãi suất cho vay do ngân hàng thương mại và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và chủ tàu không được hưởng hỗ trợ lãi suất.

3.²¹ Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, các ngân hàng thương mại, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

bổ sung một số Điều tại Thông tư số 11/2013/TT-NHNN ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về cho vay hỗ trợ nhà ở theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ.

3. Thông tư này bãi bỏ điểm b, c, d khoản 5 và khoản 7 Điều 1 Thông tư số 32/2014/TT-NHNN ngày 18 tháng 11 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 11/2013/TT-NHNN ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về cho vay hỗ trợ nhà ở theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ.

4. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, Thông tư số 06/2009/TT-NHNN ngày 09 tháng 04 năm 2009 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định chi tiết về chính sách cho vay ưu đãi lãi suất theo Chương trình hỗ trợ các huyện nghèo tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ hết hiệu lực, trừ quy định tại các điểm d, đ, e khoản 3 Điều 5 và điểm b Điều 6./.

Điều 11 của Thông tư số 35/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.
2. Thông tư này bãi bỏ Điều 2 Thông tư số 85/2025/TT-NHNN.
3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.”

²⁰ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 12/2018/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2018.

²¹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 10 của Thông tư số 85/2025/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

[illegible]

2	Chi nhánh B												
	Cho vay đóng mới tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ												
	Cho vay đóng mới tàu khai thác hải sản xa bờ												
	Cho vay nâng cấp tàu												
	Cho vay vốn lưu động												
...	...												
	...												
3	Tổng cộng (1+2+...), trong đó:												
	Cho vay đóng mới tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ												
	Cho vay đóng mới tàu khai thác hải sản xa bờ												
	Cho vay nâng cấp tàu												
	Cho vay vốn lưu động												

Ghi chú:

- Ngày số liệu là ngày cuối cùng của tháng báo cáo

- Hình thức gửi báo cáo:

+ Bảng văn bản: Vụ Tín dụng²² - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - 25 Lý Thường Kiệt - Hoàn Kiếm - Hà Nội;

+ Email: tindungsbv@gmail.com.

+ Liên hệ: 0439360407 (máy lẻ 518058)

Lập biểu

(Ghi rõ tên, số điện thoại người báo cáo)

Ngân hàng

(Người đại diện hợp pháp của ngân hàng ký tên và đóng dấu)

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

**KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**

Nơi nhận:

- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Vụ Pháp chế (để đăng trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Văn phòng (để đăng trên Cổng thông tin điện tử NHNN VN);
- Lưu: VP, PC1.

Đoàn Thái Sơn

²² Cụm từ “Vụ Tín dụng các ngành kinh tế” được thay thế bởi cụm từ “Vụ Tín dụng” theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 35/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.